

Bản án số: 22/2021/HS-PT
Ngày: 30-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần **Hội** đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các thẩm phán:

Ông Bùi Đăng Huy.

Ông **Vũ** Thanh Tuấn.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đặng Ngọc Anh - Cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện BG, tỉnh Hải Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; Nơi sinh: thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Khu đô thị TGi, thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Thủ kho; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: **Thiên** chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Chí H và bà Phạm Thị Đ; Có chồng là Mai Văn H1 và 04 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Hữu Kh, sinh năm 1986; Nơi sinh: thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Khu đô thị TGi, thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Hữu Kh1 và bà Nguyễn Thị Kh2; Có vợ là Phạm Hải Y và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 05/12/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hải C, sinh năm 1995; Nơi sinh: thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Khu Tr, thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H và bà Vũ Thị T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 24/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Tuấn A, sinh năm 1987; Nơi sinh: xã TH, huyện BG, tỉnh Hải

Dương; Nơi cư trú: Số 73 đường Phạm Ngũ Lão, thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Th và bà Vũ Thị H; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 24/4/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại kháng cáo*: Công ty TNHH LN; Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hồng, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Phương Ng, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số 124 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ng: ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Hương Gi, sinh năm 1993; Đều có địa chỉ: Tầng 25, tòa ICON 4, 243 ĐLT, phường LTh, quận ĐĐ, thành phố HN; Ông Phạm Công Q, sinh năm 1968; Địa chỉ: thị trấn KS, huyện BG, tỉnh Hải Dương. (ông H, bà Gi, ông Q đều có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: ông Nguyễn Thành L và ông Lê Viết Ph - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH HV thuộc Đoàn Luật sư thành phố HN (ông L có mặt tại phiên tòa, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH LN là doanh nghiệp ngoài nhà nước, có địa chỉ tại Cụm Công nghiệp Tân Hồng, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương, được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 19/8/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/9/2018. Công ty TNHH LN do 03 thành viên góp vốn, có vốn điều lệ 40.500.000.000 đồng, do bà Phạm Thị Phương Ng là người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi tắt là Công ty LN). Công ty LN hoạt động kinh doanh các lĩnh vực: nhập khẩu, buôn bán các loại máy cơ khí, máy phát điện và các thiết bị phụ tùng sản xuất nông nghiệp. Toàn bộ hàng hóa của Công ty LN được quản lý tại kho lưu trữ đặt tại Cụm công nghiệp làng nghề thuộc xã TrL (nay là thị trấn KS), huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Ngày 01/7/2015, Công ty LN ký hợp đồng lao động với Nguyễn Thị M làm công nhân cho công ty. Đến ngày 23/6/2018, M được giao làm thủ kho, quản lý kho lưu trữ và xuất nhập hàng hóa, có trách nhiệm vào sổ sách theo dõi, quản lý số lượng từng loại máy móc, thiết bị từ khi nhập về đến khi xuất hàng bán cho khách hàng. Hàng ngày M thực hiện việc xuất các loại hàng hóa theo đề nghị của cửa hàng NhNg (là cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm của Công ty LN, do ông Phạm Văn Nh là chồng của bà Ng làm chủ cửa hàng). Quy trình xuất hàng của Công ty LN thực hiện như sau: Khi có khách hàng mua hàng, cửa hàng NhNg viết 02 phiếu đề nghị xuất kho theo mẫu và đưa cho lái xe đem đến kho đưa cho M xuất hàng. Sau khi nhận phiếu đề nghị xuất kho, M đối chiếu chủng loại, số

lượng, đồng thời ghi vào sổ và viết phiếu xuất kho gồm 03 liên thể hiện số thiết bị, máy móc đã xuất theo phiếu đề nghị. M giữ lại 01 phiếu đề nghị xuất kho, 01 liên phiếu xuất kho để hàng tháng đối chiếu với cửa hàng. M giao cho lái xe 01 phiếu đề nghị xuất kho và 02 liên phiếu xuất kho để xuất trình cho bảo vệ kho kiểm tra, sau đó lái xe mang quay lại cửa hàng NhNg để xuất hóa đơn bán hàng cho khách.

Ngày 09/9/2019, M đi đến nhà Vũ Hữu Kh (ở cùng khu dân cư với M) để thu tiền tổ chức tết trung thu cho thiếu nhi. Do trước đây Kh đã từng lái xe vận chuyển hàng cho Công ty LN nên M đã nói chuyện với Kh về việc Công ty LN đang chuyển kho, hàng hóa quản lý không chặt chẽ. Kh và M bàn nhau đưa xe ô tô vào kho lấy máy phát điện đem ra ngoài bán lấy tiền chia nhau.

Sáng ngày 12/9/2019, Kh nhờ anh Phạm Anh S mượn xe ô tô giúp Kh. Anh S đã mượn xe ô tô BKS **34C-246.16** của anh Phạm Văn Ngh (anh S và anh Ngh không biết mục đích mượn xe của Kh). Kh gọi điện cho M thông báo đã có xe ô tô, M bảo Kh buổi trưa đưa xe vào kho bốc hàng. Kh gọi điện cho Vũ Tuấn A và Nguyễn Hải C đi bốc hàng, Tuấn A và C đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Kh điều khiển xe ô tô BKS **34C-246.16** đến nhà đón Tuấn A rồi đón C. Khi đến nhà C, Kh và Tuấn A bê chiếc xe nâng của Kh cho C mượn trước đó (loại xe tự chế có hai bánh cao su để sử dụng vào việc di chuyển các kiện hàng) lên xe. Kh tiếp tục lái xe chở C và Tuấn A đến kho hàng của Công ty LN như đã hẹn với M trước đó. Trên đường đi Kh nói với C và Tuấn A nội dung là kho hàng chỗ M hiện tại đang lộn nhộn, không có camera (ý là Công ty LN quản lý không chặt chẽ) nên C và Tuấn A cứ vào lấy, mọi việc Kh điện cho M rồi (ý là Kh và M đã bàn bạc lấy máy phát điện của Công ty LN, mọi việc M đã thu xếp rồi). Do trước đây đã nhiều lần đi bốc hàng thuê cho Kh vào thời điểm Kh đang lái xe vận chuyển hàng cho Công ty LN, Tuấn A và C biết được toàn bộ quy trình xuất hàng của Công ty LN và cửa hàng NhNg. Khi thấy Kh nói vậy thì C và Tuấn A đều hiểu Kh và M thông đồng để lấy hàng của Công ty LN. Sau đó Kh tiếp tục điều khiển xe ô tô đi đến cây xăng cạnh Quốc lộ 38, Kh xuống xe và bảo C, Tuấn A vào kho gặp M để bốc hàng, còn Kh đi ra đầu Cầu Sắt ngồi cạnh giới, nếu có người hoặc xe của cửa hàng NhNg đến kho thì sẽ gọi điện thông báo cho C, Tuấn A biết và dừng lại. C điều khiển xe chở Tuấn A đi vào kho gặp M và nói bốc hàng cho Kh, M hướng dẫn **C** đưa xe vào cửa kho, đồng thời nói với ông Trần Văn B là bảo vệ về việc M xuất hàng theo chỉ đạo của Công ty. M nhờ anh Vũ Đình K (là công nhân xưởng cạnh kho Công ty LN) dùng máy nâng 04 máy phát điện nhãn hiệu YARMAX 9700T loại 6,5kw lên xe ô tô. M tự viết và điền các thông tin trên phiếu xuất kho (01 liên) đối với 04 máy này, mục đích để đưa cho C xuất trình khi qua cổng bảo vệ để kiểm tra, nhằm tránh sự phát hiện của bảo vệ công ty. Sau khi lấy được 04 máy, thấy thùng xe còn rộng, M nhờ anh K đưa giúp 04 máy phát điện nhãn hiệu YARMAX 6700T loại **5 kw lên** tiếp. C, Tuấn A dùng xe kéo mang theo kéo 08 thùng máy phát điện xếp gọn trong thùng xe tải. Sau khi

đưa 08 máy phát điện lên xe, M dùng bút gạch ngang dòng chữ ghi số lượng 04 máy trong phiếu đã ghi lúc trước đưa cho C để đề phòng khi bảo vệ kiểm tra. Sau đó M gặp và nói với ông B "*cháu đã viết phiếu xuất tí lái xe gửi chú*". Ông B biết C và Tuấn A trước đó đã nhiều lần đi bốc hàng thuê tại kho của Công ty LN nên không nghi ngờ, không kiểm tra phiếu và hàng xuất ra khỏi kho mà vẫn để cho C và Tuấn A lái xe ra. Sau khi lấy được 08 máy phát điện của Công ty LN, C gọi điện thông báo cho Kh biết thì Kh bảo mang về nhà Kh cất giấu. Sau khi chuyển số hàng nêu trên cất giấu tại nhà Kh, Kh đưa xe nhờ anh S trả cho anh Ngh, anh Ngh nhận xe phát **hiện tờ** phiếu xuất kho do M viết trước đó nên đưa lại cho cửa hàng NhNg.

Đến sáng ngày 16/9/2019, Kh và Tuấn A đưa toàn bộ 08 máy phát điện đã lấy được của Công ty LN **lên xe** ô tô BKS 34C-144.04 (do Kh mượn của anh Phạm Văn Đ), rồi chở đến gửi tại cửa hàng PhTr ở số 177 phố Nỉ, xã TrGi, huyện SS, thành phố HN do chị Nguyễn Thị Lan Ph làm chủ, Kh nhờ chị Ph bán hộ và không nói nguồn gốc số máy cho chị Ph biết.

Ngày 19/9/2019, sau khi nhận được tờ phiếu xuất kho để trên xe của anh Ngh, chị Vũ Thị H là kế toán của cửa hàng NhNg đã kiểm đếm toàn bộ hàng hóa trong kho. Lúc này M biết sự việc sẽ bị phát hiện nên báo với Kh mang máy phát điện đã lấy vào ngày 12/9/2019 trả lại kho Công ty. Do sợ bị phát hiện nên Kh đã thuê 01 xe ô tô tải ở khu vực xã LX, huyện BG (không xác định được biển kiểm soát và chủ xe) đến cửa hàng PhTr lấy 08 máy phát điện về để ở cây xăng Cậy, xã LX chờ thời cơ mang trả Công ty LN. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Kh tiếp tục mượn xe ô tô tải, BKS 34C-135.71 của anh Phạm Long Gi (là anh vợ của Kh) cùng Tuấn A và C chuyển toàn bộ 8 máy phát điện từ xe ô tô thuê để tại cây xăng ở Cậy sang xe ô tô của anh Gi về cất giấu tại cây xăng ở cạnh Quốc lộ 38 (thuộc thị trấn KS) chờ lúc thích hợp để chuyển trả vào kho của Công ty LN. Tuy nhiên cùng ngày M đã thừa nhận với chị Ng là cùng Kh lấy 08 máy phát điện như trên, nên sáng ngày 20/9/2019, Kh nhờ anh Gi điều khiển xe ô tô của anh Gi từ cây xăng Quốc lộ 38 đến kho của Công ty LN để trả lại.

Tại Kết luận định giá số 2923/KL-HĐĐG ngày 11/10/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương kết luận: 08 máy phát điện của công ty LN có tổng trị giá 114.000.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2021/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện BG đã áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hữu Kh 07 (bảy) năm tù thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 05/12/2019; Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hải C

và bị cáo Vũ Tuấn A mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù, thời hạn tù đều tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 01 năm 2021, bị cáo Vũ Hữu Kh kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 12 tháng 01 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Ngày 15 tháng 01 năm 2021, Công ty TNHH LN. Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tân Hồng, xã TH, huyện BG, tỉnh Hải Dương kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (có tổ chức) đối với bị cáo Vũ Hữu Kh và bị cáo Nguyễn Thị M theo điểm a khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự và quyết định hình phạt tù đối với các bị cáo theo hướng tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hải C và Vũ Tuấn A.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh rút đơn kháng cáo; Bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với bị cáo M và bị cáo Kh. Đề nghị Tòa án xử đúng người, đúng tội đối với bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A, không đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C, Tuấn A; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Tòa án áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (có tổ chức) quy định tại điểm a khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo M và bị cáo Kh, xác định bị cáo Kh là bị cáo giữ vai trò đầu vụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 342, khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hải C, bị cáo Vũ Tuấn A và bị hại. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và hình phạt đối với 04 bị cáo; Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các bị cáo và bị hại kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ ngày 12/9/2019, tại Cụm công nghiệp làng nghề thuộc xã TrL (nay là thị trấn KS), huyện BG, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị M là thủ kho đã lợi dụng việc được giao quản lý tài sản của Công ty LN, M đã cùng với Vũ Hữu Kh, Nguyễn Hải C, Vũ Tuấn A có hành vi chiếm đoạt 08 máy phát điện (gồm 04 máy loại YARMAX 6700T - 5kw, 04 máy loại YARMAX 9700T - 6,5kw) của Công ty LN. Tổng trị giá tài sản M, Kh, C và Tuấn A chiếm đoạt là 114.000.000 đồng. Bị cáo M là thủ kho của Công ty LN, mặc dù không có văn bản, quyết định bổ nhiệm công việc nhưng đã được Công ty LN giao nhiệm vụ làm thủ kho, giao chìa khóa kho hàng và đảm nhận việc quản lý kho lưu trữ và xuất nhập hàng hóa, có trách nhiệm quản lý, theo dõi số lượng từng loại máy móc, thiết bị từ khi nhập về đến khi xuất bán cho khách hàng và thực hiện việc xuất các loại hàng hóa theo đề nghị của Cửa hàng NhNg là cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm của Công ty LN. Bị cáo M đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của thủ kho tự ý lập phiếu xuất kho khi không có lệnh/phiếu đề nghị xuất kho từ cửa hàng NhNg, không vào sổ ghi chép số lượng hàng hóa đã xuất kho, dùng thủ đoạn gian dối gạch xóa phiếu xuất kho đã lập để che giấu sự việc, cấu kết với bị cáo Kh, C, Tuấn A vận chuyển tài sản ra ngoài phạm vi kho quản lý của Công ty LN nhằm chiếm đoạt và tiêu thụ tài sản. Hành vi của bị cáo M là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý, hành vi của các bị cáo còn lại là thông đồng, giúp sức cho bị cáo M thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, gây hậu quả là thiệt hại về tài sản trị giá 114.000.000 đồng cho Công ty LN. Hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu mà còn xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của tổ chức (Công ty LN). Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả của hành vi và mong muốn hậu quả xảy ra nhằm chiếm đoạt tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh rút toàn bộ đơn kháng cáo. Việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo lần đầu phạm tội, thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về “Tội tham ô tài sản” theo điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã

đánh giá mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định mức hình phạt được mức thấp nhất của khung hình phạt đối với cả hai bị cáo, xử phạt mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù. Mức hình phạt cấp sơ thẩm tuyên đối với các bị cáo thể hiện sự nhân đạo của nhà nước, khoan hồng của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo không nộp thêm chứng cứ gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” là tội phạm về chức vụ. Do vậy, các bị cáo đều thuộc trường hợp không đủ điều kiện để xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo”. Do vậy, nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

[5]. Xét kháng cáo của bị hại :

- Về đề nghị Tòa án xem xét bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh theo điểm a khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Mặc dù, giữa bị cáo M và Kh có sự bàn bạc nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, do vậy không có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bổ sung tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

- Về đề nghị Tòa án xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị M và Vũ Hữu Kh, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện mang số tài sản đã chiếm đoạt trả lại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo M có thai trong quá trình khởi tố, điều tra, bị cáo có bố, mẹ đẻ là người có công với nước nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo M 07 năm 03 tháng tù và bị cáo Kh 07 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, đạt được mục đích trừng trị các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo nhưng không đưa ra được thêm các tình tiết hay chứng cứ mới để chứng M cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

- Về đề nghị Tòa án xử đúng người đúng tội đối với bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A và không đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Như nhận định tại phần trên hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của của bị hại giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

[6]. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh rút đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Hải C và bị cáo Vũ Tuấn A kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1]. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Vũ Hữu Kh.

[2]. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hải C, Vũ Tuấn A và bị hại (Công ty TNHH LN). Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện BG, tỉnh Hải Dương về hình phạt đối với **các** bị cáo, như sau:

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, n, s khoản **1 và** khoản 2 Điều **51** Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, s khoản **1 Điều 51** Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Hữu Kh 07 (bảy) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/12/2019.

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, i, s khoản 1 và khoản **2 Điều 51**; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hải C 03 (ba) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020.

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ Tuấn A 03 (ba) năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/4/2020.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Hải C, Vũ Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện BG;
- VKSND huyện BG;
- CQTHAHS - Công an huyện BG;
- CQCSĐT- Công an huyện BG;
- Chi cục THADS huyện BG;
- Trạm tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa